

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**
- Mã chứng khoán: **HHV**
- Địa chỉ trụ sở chính: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: 0236 3730 574 Fax: 0236 3842 713
- E-mail: info@hhv.com.vn Website: hhv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả trân trọng công bố Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2024 của Công ty kết thúc vào ngày 31/12/2024.

(Chi tiết theo toàn văn Báo cáo tài chính đính kèm)

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/01/2025 tại đường dẫn: <http://www.hhv.com.vn/báo cáo tài chính/2025>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2024 của Công ty kết thúc vào ngày 31/12/2024.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người được UQ CBTT

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Ân

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

**Báo cáo tài chính riêng
Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	06 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10 – 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	12 – 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	14 – 86

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2024 của Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 22/08/2024.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23/12/2021 và chính thức giao dịch ngày 20/01/2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV. Số lượng chứng khoán niêm yết tại ngày 31/12/2024 là 432.255.528 cổ phiếu.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là:

4.322.555.280.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỡ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành: 8560); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
Công ty con: 03 Công ty			
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,03%	65,03%	1.157.824.390.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	73,41%	73,41%	1.674.617.650.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	294.455.000.000
Công ty liên doanh, liên kết: 04 Công ty			
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	38,00%	391.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,34%	50,00%	122.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	45.504.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	40,00%	40,00%	20.000.000.000

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Thị xã Đông Hoà, Phú Yên
Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị Xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang, Xã Nhơn Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Xí nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Tam Điệp - Diên Châu	Thôn Thọ Lộc, Xã Hà Lĩnh, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	278 Thụy Khê, Phường Thụy Khê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Thông qua đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2023, Công ty đã huy động được số tiền 829.915.742.000 VND. Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này Công ty chưa sử dụng hết số vốn thu được từ đợt chào bán, số tiền còn lại được phép sử dụng là 35.443.874.010 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Võ Thụy Linh	Thành viên	31/05/2024	
Ông Trần Chung	Thành viên	31/05/2024	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	31/05/2024	
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	31/05/2024	
Ông Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập	31/05/2024	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	
Ông Ngô Trường Nam	Phó TGD thường trực	01/10/2024	
Ông Trần Văn Chí	Phó TGD thường trực	14/02/2022	
Ông Võ Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc	10/12/2020	
Ông Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	14/01/2021	
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc	30/03/2021	
Ông Lê Châu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	31/05/2024	
Bà Cam Thị Minh Hải	Kiểm soát viên	17/06/2020	
Bà Phan Thị Mai	Kiểm soát viên	26/04/2021	

Đại diện theo pháp luật:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	

Kế toán trưởng:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Ân		17/06/2020	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ báo cáo Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám Đốc



NGUYỄN QUANG HUY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.665.729.854.600	1.233.182.586.684
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	180.928.615.136	175.967.475.767
111	Tiền		129.459.625.245	12.953.503.602
112	Các khoản tương đương tiền		51.468.989.891	163.013.972.165
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		5.000.000.000	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	5.000.000.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.408.674.871.184	978.396.559.390
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3a	1.085.985.433.002	757.467.332.235
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	128.548.369.900	103.782.194.987
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	6.000.000.000	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	201.351.615.013	130.357.578.899
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(13.210.546.731)	(13.210.546.731)
140	Hàng tồn kho		69.743.291.519	77.290.414.338
141	Hàng tồn kho	V.8	69.743.291.519	77.290.414.338
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.383.076.761	1.528.137.189
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	1.383.076.761	1.528.137.189

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B01a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		4.514.074.754.569	3.382.413.874.860
210	Các khoản phải thu dài hạn		517.182.836.267	64.844.527.575
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	3.094.427.531	3.094.427.531
216	Phải thu dài hạn khác	V.6b	514.088.408.736	61.750.100.044
220	Tài sản cố định		147.316.755.953	157.692.732.181
221	Tài sản cố định hữu hình	V.10	132.895.611.873	140.934.110.424
222	Nguyên giá		238.916.426.332	229.709.713.749
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(106.020.814.459)	(88.775.603.325)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	14.075.260.603	16.187.449.195
225	Nguyên giá		17.714.776.374	17.714.776.374
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.639.515.771)	(1.527.327.179)
227	Tài sản cố định vô hình	V.12	345.883.477	571.172.562
228	Nguyên giá		476.603.041	718.292.634
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(130.719.564)	(147.120.072)
240	Tài sản dở dang dài hạn		11.729.989.803	170.630.457
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	11.729.989.803	170.630.457
250	Đầu tư tài chính dài hạn		3.835.301.040.000	3.156.140.030.000
251	Đầu tư vào công ty con	V.2b	3.126.897.040.000	2.963.020.030.000
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2b	578.904.000.000	177.620.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2c	127.500.000.000	13.500.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	2.000.000.000	2.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		2.544.132.546	3.565.954.647
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	2.544.132.546	3.565.954.647
270	TỔNG TÀI SẢN		6.179.804.609.169	4.615.596.461.544

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B01a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.446.547.301.052	910.053.064.277
310	Nợ ngắn hạn		1.171.673.963.898	568.604.243.420
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	205.268.234.071	179.484.852.952
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15a	4.719.425.163	4.619.425.163
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.16	73.778.488.173	61.438.370.993
314	Phải trả người lao động	V.17	22.375.620.896	9.735.570.527
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	132.515.039.206	46.052.413.711
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19a	1.100.000.000	1.100.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.20	516.082.016.485	9.698.279.777
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.21a	209.731.965.089	250.303.155.482
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.103.174.815	6.172.174.815
330	Nợ dài hạn		274.873.337.154	341.448.820.857
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.15b	235.397.526.005	289.211.817.160
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19b	6.649.932.236	7.764.764.056
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.21b	32.825.878.913	44.472.239.641

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.733.257.308.117	3.705.543.397.267
410	Vốn chủ sở hữu	V.22	4.733.257.308.117	3.705.543.397.267
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.322.555.280.000	3.293.503.510.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.322.555.280.000	3.293.503.510.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		6.079.662.000	(876.900.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển		8.822.456.079	8.822.456.079
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.739.172.300	-
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		394.060.737.738	404.094.331.188
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		196.601.568.888	232.085.101.179
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		197.459.168.850	172.009.230.009
440	TỔNG NGUỒN VỐN		6.179.804.609.169	4.615.596.461.544

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2025
 Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT



NGUYỄN VĂN ÂN



NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	638.966.431.073	611.299.792.337	1.733.059.616.973	1.465.515.257.075
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	638.966.431.073	611.299.792.337	1.733.059.616.973	1.465.515.257.075
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	VI.2	554.692.042.079	545.149.961.936	1.473.094.614.946	1.209.906.487.277
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		84.274.388.994	66.149.830.401	259.965.002.027	255.608.769.798
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	24.299.736.773	3.625.897.861	54.312.271.559	21.674.604.153
22	Chi phí tài chính	VI.4	4.144.859.370	6.479.357.090	17.806.940.962	25.847.496.177
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.144.859.370	6.479.357.090	17.806.940.962	25.847.496.177
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	10.915.633.079	10.135.775.230	44.060.103.993	35.158.654.431
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		93.513.633.318	53.160.595.942	252.410.228.631	216.277.223.343
31	Thu nhập khác	VI.6	4.845.528.134	8.837.487	5.100.896.353	2.085.863.457
32	Chi phí khác	VI.7	3.265.666.554	78.887.662	4.190.471.373	1.641.489.749
40	Lợi nhuận khác		1.579.861.580	(70.050.175)	910.424.980	444.373.708
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		95.093.494.898	53.090.545.767	253.320.653.611	216.721.597.051

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành				
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.9			
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN				
		<u>20.508.970.104</u>	<u>10.915.428.076</u>	<u>53.953.484.761</u>	<u>42.804.367.042</u>
		<u>74.584.524.794</u>	<u>42.175.117.691</u>	<u>199.367.168.850</u>	<u>173.917.230.009</u>

Người lập biểu



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN ÂN

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2025
 Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính	
		kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	253.320.653.611	216.721.597.051
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	20.815.154.069	17.186.496.897
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(54.587.274.452)	(21.654.512.574)
06	Chi phí lãi vay	17.806.940.962	25.847.496.177
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	237.355.474.190	238.101.077.551
09	Tăng các khoản phải thu	(348.786.842.572)	(297.263.275.038)
10	Giảm hàng tồn kho	7.547.122.819	83.455.341.478
11	Tăng các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]	76.636.587.704	192.411.971.647
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	1.166.882.529	(501.534.022)
14	Tiền lãi vay đã trả	(18.652.269.967)	(69.192.202.370)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(46.963.438.756)	(34.213.906.403)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(91.696.484.053)	112.797.472.843
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(25.906.053.995)	(28.330.807.775)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	30.000.000	15.814.973.910
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(454.473.860.000)	(2.500.000.000)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	29.700.000.000	3.500.000.000
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(327.179.109.206)	(79.024.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	80.916.000.000	78.380.000.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	15.533.455.744	21.674.604.153
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(681.379.567.457)	9.514.770.288

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	830.254.742.000	-
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	484.325.689.987	522.706.149.824
34	Chi trả nợ gốc vay	(533.048.154.360)	(581.954.421.884)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(3.495.086.748)	(4.970.543.556)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	778.037.190.879	(64.218.815.616)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	4.961.139.369	58.093.427.515
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	V.1 175.967.475.767	117.874.048.252
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	V.1 180.928.615.136	175.967.475.767

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT




NGUYỄN VĂN ÂN

NGUYỄN QUANG HUY



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 22/08/2024.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: **4.322.555.280.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Hình thức kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỡ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành: 8560); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty:****Danh sách các Công ty con**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31.12.2024	01.01.2024	31.12.2024	01.01.2024
1	Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Tầng 16, Tháp văn phòng, Tòa nhà số 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam	65,03%	70,36%	65,03%	70,36%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	73,41%	72,09%	73,41%	72,09%
3	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam	99,37%	99,32%	99,37%	99,32%

Danh sách công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31.12.2024	01.01.2024	31.12.2024	01.01.2024
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	278 Thụy Khê, Phường Thụy Khê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,34%	47,21%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Số 320 tổ 11, Phường Sông Bằng, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng	40,00%	0%	40,00%	0%
3	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang, Xã Nhơn Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận	38,00%	0%	38,00%	0%
4	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Tầng 11, Tòa nhà văn phòng Thăng Long tại 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam	31,60%	31,60%	31,60%	31,60%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết:****i. Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn**

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/03/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GCNDKĐTĐTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

- + Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.
- + Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000 VND
+ Vốn vay	10.543.195.000.000 VND
Tổng	12.188.665.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng BOT là 11,5%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 23 năm 8 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2024 là: 1.780.498.740.000 VND

ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0104567756 ngày 05/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/2024.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNDKĐTĐTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/06/2017:

- + Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Quyết định số 397/QĐ-BGTVT ngày 05/04/2024 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) theo hình thức hợp đồng BOT;

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 13 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 06/08/2024 là 18.904 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn tự có:	1.749.864.583.000 VND
+ Vốn khác:	1.438.432.378.000 VND
+ Vốn vay	13.375.708.235.000 VND
+ Vốn Nhà nước hỗ trợ	5.048.002.979.000 VND
Tổng	21.612.008.175.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (tiếp theo)**

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán. Hợp đồng BOT này được nhà nước đảm bảo lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án:

+ Hạng mục Hầm Đèo Cả: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 20 năm 5 tháng;

+ Hạng mục trạm An Dân: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 20 năm 5 tháng;

+ Hạng mục Hầm Cù Mông: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 20 năm 5 tháng;

+ Hạng mục Hầm Hải Vân 1 và Hầm Hải Vân 2: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng cho cả hai hầm là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 20 năm 5 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2024 là: 2.281.036.400.000 VND

iii. Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/09/2023.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17/08/2015:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 07/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 23/04/2021 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 1.559.231.104.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 262.000.000.000 VND

+ Vốn vay: 1.297.231.104.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán. Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 10 năm 10 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2024 là: 296.310.000.000 VND

iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106159826 ngày 22/04/2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/01/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (tiếp theo)**

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013:

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13/01/2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 2.644.478.000.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 339.447.800.000 VND

+ Vốn vay: 2.305.030.200.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán. Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 12 năm 8 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2024 là: 305.000.000.000 VND

v. Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4800935176 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp ngày 18/12/2023.

+ Dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/08/2020 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;

Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;

Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);

Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu: 1.444.130.000.000 VND

+ Vốn vay: 6.307.490.000.000 VND

+ Vốn Ngân sách nhà nước: 6.580.000.000.000 VND

Tổng 14.331.620.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Thời gian thi công xây dựng dự kiến theo PATC là từ ngày 19/12/2023 đến ngày 15/12/2026.

Thời gian thu phí dự kiến là 25 năm 03 tháng kể từ ngày dự án đi vào khai thác vận hành.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2024 là: 50.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ tầng GIAO THÔNG ĐỀ CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****vi. Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hào**

Là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu số 0316685416 ngày 21/01/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 15/06/2024.

+ Dự án: Đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hào thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông gian đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.030.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	2.756.200.000.000 VND
+ Vốn ngân sách Nhà nước:	5.139.280.000.000 VND
Tổng	8.925.480.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 9.99%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 16 năm 4 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 1.030.000.000.000 VND

vii. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0108311466 ngày 05/06/2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/07/2024.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	6.994.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2024 là: 144.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)**

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Thị xã Đông Hoà, Phú Yên
Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị Xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang, Xã Nhơn Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Xí nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Tam Điệp - Diên Châu	Thôn Thọ Lộc, Xã Hà Lĩnh, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	278 Thụy Khê, Phường Thụy Khê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Danh sách các Công ty đầu tư khác**i. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam**

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/10/2024.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là:

640.000.000.000 VND

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.285 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.073 nhân viên).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán;
- + Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)****b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là dài hạn.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

- Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.
- Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

4. Nguyên tắc các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước (tiếp theo)**

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

- *Quỹ đầu tư phát triển* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****c) Doanh thu hợp đồng xây lắp**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

d) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

e) Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

f) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu (tiếp theo)**

- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Công cụ tài chính**a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

24. Công cụ tài chính (tiếp theo)

b) Tài sản tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b) Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phần ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Tiền mặt	697.301.577	1.028.979.965
Tiền gửi ngân hàng	128.762.323.668	11.924.523.637
Các khoản tương đương tiền	51.468.989.891	163.013.972.165
Cộng	180.928.615.136	175.967.475.767

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31.12.2024		01.01.2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Trái phiếu (ii)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	7.000.000.000	7.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Vietinbank với lãi suất 4,2%/năm;

(ii) Khoản đầu tư bao gồm 200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 năm (2019 - 2029); lãi suất: Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm; do Vietinbank phát hành. Trái phiếu này đang được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng cấp tín dụng tại ngân hàng Vietinbank.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

	31.12.2024			01.01.2024		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	3.126.897.040.000	-	-	2.963.020.030.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (i)	1.674.617.650.000	-	-	1.566.373.980.000	-	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn (ii)	1.157.824.390.000	-	-	1.124.315.050.000	-	-
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT (iii)	294.455.000.000	-	-	272.331.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	578.904.000.000	-	-	177.620.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (iv)	391.400.000.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	122.000.000.000	-	-	122.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị (v)	45.504.000.000	-	-	55.620.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (vi)	20.000.000.000	-	-	-	-	-
Cộng	3.705.801.040.000	-	-	3.140.640.030.000	-	-

- (i) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã hoàn tất thủ tục góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả với số tiền 108.243.670.000 VND theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả thông qua tại Nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2023;
- (ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã hoàn tất thủ tục góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn với số tiền 33.509.340.000 VND theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn thông qua tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/04/2023.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã hoàn tất thủ tục góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT với số tiền 22.124.000.000 VND theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT thông qua tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/07/2023.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

- (iv) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo với giá trị vốn góp 391.400.0000.000 VND theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2024/HĐCNCP/DCG-HHV ngày 26/12/2024.
- (v) Theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/07/2024, Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị đã hoàn tất thủ tục giảm vốn điều lệ từ 176.000.000.000 VND xuống 144.000.000.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 29/07/2024.
- (vi) Theo điều khoản trong Thỏa thuận liên danh ngày 30/10/2023 ký giữa liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 568 về việc tham gia lựa chọn Nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1), Công ty cam kết sẽ góp 15% tổng vốn điều lệ Doanh nghiệp dự án với số tiền là 216.619.500.000 VND. Tính tới thời điểm 31/12/2024, Công ty đã hoàn tất thủ tục góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (giai đoạn 1) với số tiền 7.500.000.000 VND theo Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐQT ngày 12/12/2023 và hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng vốn cổ phần từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả với giá trị vốn góp 12.500.0000.000 VND theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2512/2024/HĐCNCP/DCG-HHV ngày 25/12/2024.

Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Công ty không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Đầu tư vào công ty khác

	31.12.2024			01.01.2024		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam (i)	127.500.000.000	-	-	13.500.000.000	-	-
Cộng	127.500.000.000	-	-	13.500.000.000	-	-

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam với giá trị vốn góp 114.000.0000.000 VND theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2806/2024/CNCP-ICV ngày 28/06/2024.

Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG****a) Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Bên liên quan	839.372.201.777	657.330.308.317
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	393.071.983.222	314.581.950.947
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	213.453.819.549	130.984.526.628
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	144.798.132.784	70.600.560.453
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	33.980.795.120	30.994.431.120
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	30.367.351.127	28.505.057.107
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	13.546.846.197	14.585.800.932
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	6.579.672.295	13.918.316.295
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả	2.935.663.301	1.470.201.487
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	637.938.182	2.400.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	-	51.687.063.348
Bên thứ ba	246.613.231.225	100.137.023.918
Ban Quản lý dự án 2	99.722.250.196	61.415.375.434
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	47.114.285.311	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	26.334.844.850	-
Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng	15.779.280.000	-
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	12.880.620.346	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	5.082.418.376	5.082.418.376
Công ty Cổ phần Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533
Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Lâm Đồng	2.384.463.000	2.384.463.000
Đối tượng khác	28.755.926.084	22.695.624.046
Cộng	1.085.985.433.002	757.467.332.235

b) Phải thu khách hàng dài hạn

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Bên liên quan	3.094.427.531	3.094.427.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	3.094.427.531	3.094.427.531
Cộng	3.094.427.531	3.094.427.531

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐỀ CẢ

B09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Bên thứ ba	128.548.369.900	103.782.194.987
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long - Công ty Cổ phần	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Tây An	7.581.804.304	9.321.979.651
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Bất động sản Á Châu	2.623.230.318	14.008.765.873
Công ty TNHH Khánh Sơn	2.293.138.174	6.120.456.775
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công Nghiệp	891.049.877	29.420.534.767
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	-	13.862.983.101
Đối tượng khác	15.159.147.227	31.047.474.820
Cộng	128.548.369.900	103.782.194.987

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần IDC Đông Dương (i)	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 (ii)	3.000.000.000	-
Cộng	6.000.000.000	-

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần IDC Đông Dương vay với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 11 tháng kể từ khi được nhận khoản vay đầu tiên.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 vay với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 11 tháng kể từ khi được nhận khoản vay đầu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**6. PHẢI THU KHÁC****a) Ngắn hạn**

	31.12.2024		01.01.2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	12.206.683.198	-	12.355.477.623	-
Ký cược, ký quỹ	1.261.669.373	-	1.261.669.373	-
Bên liên quan	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	100.000.000	-	100.000.000	-
Bên thứ ba	1.161.669.373	-	1.161.669.373	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	687.819.373	-	687.819.373	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	473.850.000	-	473.850.000	-
Phải thu về vốn góp	144.302.099.206	-	79.024.000.000	-
Bên liên quan	144.302.099.206	-	79.024.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	73.000.000.000	-	57.000.000.000	-
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng Trà Lĩnh	64.302.099.206	-	-	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	7.000.000.000	-	12.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	-	-	9.724.000.000	-
Các khoản khác	43.581.163.236	873.033.836	37.716.431.903	873.033.836
Bên liên quan	41.420.198.164	-	35.453.205.808	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	23.875.003.994	-	18.125.128.566	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	14.881.361.082	-	14.881.361.082	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	2.663.833.088	-	2.446.716.160	-
Bên thứ ba	2.160.965.072	873.033.836	2.263.226.095	873.033.836
Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	837.818.000	837.818.000	837.818.000
Đối tượng khác	1.323.147.072	35.215.836	1.425.408.095	35.215.836
Cộng	201.351.615.013	873.033.836	130.357.578.899	873.033.836



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	31.12.2024		01.01.2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hợp tác kinh doanh	514.088.408.736	-	61.750.100.044	-
Bên liên quan	514.088.408.736	-	61.750.100.044	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (*)	514.088.408.736	-	61.750.100.044	-
Cộng	514.088.408.736	-	61.750.100.044	-

(*) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH - HHV ngày 20/09/2023 và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

7. NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31.12.2024			01.01.2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng	11.035.892.482	-	(11.035.892.482)	11.035.892.482	-	(11.035.892.482)
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)
Đối tượng khác	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)
Trả trước cho người bán	1.301.620.413	-	(1.301.620.413)	1.301.620.413	-	(1.301.620.413)
Công ty Cổ phần Nhà thép Tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	(673.571.100)	673.571.100	-	(673.571.100)
Đối tượng khác	628.049.313	-	(628.049.313)	628.049.313	-	(628.049.313)
Phải thu ngắn hạn khác	873.033.836	-	(873.033.836)	873.033.836	-	(873.033.836)
Cục Quản lý Đường bộ III	837.818.000	-	(837.818.000)	837.818.000	-	(837.818.000)
Đối tượng khác	35.215.836	-	(35.215.836)	35.215.836	-	(35.215.836)
Cộng	13.210.546.731	-	(13.210.546.731)	13.210.546.731	-	(13.210.546.731)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**8. HÀNG TỒN KHO**

	31.12.2024		01.01.2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	43.848.541.283	-	59.003.359.811	-
Nguyên liệu, vật liệu	25.635.274.807	-	17.973.383.568	-
Công cụ, dụng cụ	209.983.054	-	313.670.959	-
Thành phẩm	28.600.826	-	-	-
Hàng hóa	20.891.549	-	-	-
Cộng	69.743.291.519	-	77.290.414.338	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành. Tại thời điểm kết thúc năm, công ty đang thực hiện thi công các công trình có nguồn vốn ngân sách nhà nước. Để đảm bảo tiến độ thi công của các dự án, công ty đã tăng cường các khoản chi phí đầu vào, làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khoản chi phí này sẽ giảm dần sau khi các công trình được nghiệm thu hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	756.554.844	723.302.149
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	160.486.712	163.415.231
Các khoản khác	466.035.205	641.419.809
Cộng	1.383.076.761	1.528.137.189

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	81.541.865	107.663.047
Các khoản khác	2.462.590.681	3.458.291.600
Cộng	2.544.132.546	3.565.954.647

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	73.997.216.006	75.506.943.098	79.454.315.653	751.238.992	229.709.713.749
<i>Số tăng trong năm</i>	<i>586.708.099</i>	<i>2.532.559.445</i>	<i>9.596.779.927</i>	<i>224.480.000</i>	<i>12.940.527.471</i>
Mua trong năm	586.708.099	2.532.559.445	9.596.779.927	224.480.000	12.940.527.471
<i>Số giảm trong năm</i>	<i>3.431.860.343</i>	-	<i>301.954.545</i>	-	<i>3.733.814.888</i>
Thanh lý, nhượng bán	3.399.139.753	-	301.954.545	-	3.701.094.298
Giảm khác	32.720.590	-	-	-	32.720.590
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	71.152.063.762	78.039.502.543	88.749.141.035	975.718.992	238.916.426.332
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	14.958.288.521	23.863.253.592	49.287.722.222	666.338.990	88.775.603.325
<i>Số tăng trong năm</i>	<i>3.213.036.338</i>	<i>9.164.326.529</i>	<i>6.251.842.347</i>	<i>51.557.571</i>	<i>18.680.762.785</i>
Khấu hao trong năm	3.213.036.338	9.164.326.529	6.251.842.347	51.557.571	18.680.762.785
<i>Số giảm trong năm</i>	<i>1.133.597.106</i>	-	<i>301.954.545</i>	-	<i>1.435.551.651</i>
Thanh lý, nhượng bán	1.131.961.077	-	301.954.545	-	1.433.915.622
Giảm khác	1.636.029	-	-	-	1.636.029
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	17.037.727.753	33.027.580.121	55.237.610.024	717.896.561	106.020.814.459
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	59.038.927.485	51.643.689.506	30.166.593.431	84.900.002	140.934.110.424
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	54.114.336.009	45.011.922.422	33.511.531.011	257.822.431	132.895.611.873

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

64.638.260.123 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

55.551.712.203 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	5.918.181.818	11.796.594.556	17.714.776.374
<i>Số tăng trong năm</i>	-	-	-
Thuê trong năm	-	-	-
<i>Số giảm trong năm</i>	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	5.918.181.818	11.796.594.556	17.714.776.374
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	563.962.545	963.364.634	1.527.327.179
<i>Số tăng trong năm</i>	700.631.316	1.411.557.276	2.112.188.592
Tăng trong năm	700.631.316	1.411.557.276	2.112.188.592
<i>Số giảm trong năm</i>	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.264.593.861	2.374.921.910	3.639.515.771
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	5.354.219.273	10.833.229.922	16.187.449.195
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.653.587.957	9.421.672.646	14.075.260.603

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 934.376.870 VND
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê tài chính, bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	618.292.634	100.000.000	718.292.634
<i>Số tăng trong năm</i>	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-
<i>Số giảm trong năm</i>	241.689.593	-	241.689.593
Thanh lý, nhượng bán	241.689.593	-	241.689.593
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	376.603.041	100.000.000	476.603.041
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	90.203.401	56.916.671	147.120.072
<i>Số tăng trong năm</i>	11.202.688	11.000.004	22.202.692
Khấu hao trong năm	11.202.688	11.000.004	22.202.692
<i>Số giảm trong năm</i>	38.603.200	-	38.603.200
Thanh lý, nhượng bán	38.603.200	-	38.603.200
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	62.802.889	67.916.675	130.719.564
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	528.089.233	43.083.329	571.172.562
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	313.800.152	32.083.325	345.883.477

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

313.814.138 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:

0 VND

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Mua sắm tài sản cố định	1.731.481.481	-
Xây dựng cơ bản dở dang	9.998.508.322	170.630.457
Cộng	11.729.989.803	170.630.457

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31.12.2024		01.01.2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	39.041.552.509	39.041.552.509	82.514.797.591	82.514.797.591
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	17.850.311.355	17.850.311.355	13.543.989.995	13.543.989.995
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	11.863.361.640	11.863.361.640	11.275.867.556	11.275.867.556
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	9.327.879.514	9.327.879.514	32.283.191.731	32.283.191.731
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	-	-	8.165.190.284	8.165.190.284
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	-	-	17.246.558.025	17.246.558.025
Bên thứ ba	166.226.681.562	166.226.681.562	96.970.055.361	96.970.055.361
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	41.160.319.411	41.160.319.411	-	-
Công Ty Cổ phần Tập Đoàn Trí Nam	10.151.710.240	10.151.710.240	14.251.710.240	14.251.710.240
Công ty Cổ phần Xây dựng Đức Nhì	6.365.247.780	6.365.247.780	-	-
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	5.637.815.046	5.637.815.046	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Dịch vụ Tân Khang	5.375.268.008	5.375.268.008	-	-
Công ty CP Xây dựng Thương mại Dịch vụ Phú Hiển Vinh	3.494.718.280	3.494.718.280	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Asphalt	3.400.000.000	3.400.000.000	12.816.985.996	12.816.985.996
Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Nam Trung	3.015.592.178	3.015.592.178	-	-
Công ty CP An Phát EC	2.598.287.286	2.598.287.286	-	-
Đối tượng khác	85.027.723.333	85.027.723.333	69.901.359.125	69.901.359.125
Cộng	205.268.234.071	205.268.234.071	179.484.852.952	179.484.852.952

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC****a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Bên thứ ba	4.719.425.163	4.619.425.163
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Đối tượng khác	748.597.867	648.597.867
Cộng	4.719.425.163	4.619.425.163

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Bên liên quan	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (i)	100.000.000.000	-
Bên thứ ba	135.397.526.005	289.211.817.160
Ban Quản lý dự án 2 (ii)	107.363.557.627	248.163.537.782
Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng (iii)	28.033.968.378	41.048.279.378
Cộng	235.397.526.005	289.211.817.160

(i) Khoản tiền tạm ứng của Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh thi công xây dựng đường cao tốc thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Tỉnh Cao Bằng).

(ii) Khoản tiền tạm ứng của Ban quản lý dự án 2 thi công dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc dự án xây dựng Công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025.

(iii) Khoản tiền tạm ứng của Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng thi công dự án đường ven biển nối cảng Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	01.01.2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31.12.2024 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.804.367.042	53.953.484.761	46.963.438.756	49.794.413.047
Thuế giá trị gia tăng	18.564.757.536	38.131.449.692	32.797.719.878	23.898.487.350
Thuế thu nhập cá nhân	69.246.415	1.099.265.378	1.082.924.017	85.587.776
Thuế tài nguyên	-	16.102.365	16.102.365	-
Thuế khác	-	171.567.100	171.567.100	-
Cộng	<u>61.438.370.993</u>	<u>93.371.869.296</u>	<u>81.031.752.116</u>	<u>73.778.488.173</u>

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về nộp thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Tiền lương phải trả	22.375.620.896	9.735.570.527
Cộng	<u>22.375.620.896</u>	<u>9.735.570.527</u>

Tiền lương phải trả người lao động sẽ được chi trả từ ngày 05 đến ngày 10 của tháng kế tiếp theo quy định tại Quy chế tiền lương và các chế độ khác chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Trích trước chi phí gói thầu xây dựng	132.185.102.064	44.358.461.163
Trích trước chi phí vận hành Hầm, thu phí	-	1.283.793.960
Trích trước chi phí lãi vay	329.937.142	410.158.588
Cộng	132.515.039.206	46.052.413.711

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Doanh thu nhận trước	1.100.000.000	1.100.000.000
Cộng	1.100.000.000	1.100.000.000

b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Doanh thu nhận trước	6.600.000.000	7.700.000.000
Khác	49.932.236	64.764.056
Cộng	6.649.932.236	7.764.764.056

20. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Kinh phí công đoàn	1.296.700.424	1.642.104.226
Tạm ứng	189.062.516	276.403.425
Phải trả về chuyển nhượng cổ phần	507.900.000.000	-
Bên liên quan	507.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	507.900.000.000	-
Các khoản khác	6.696.253.545	7.779.772.126
Bên thứ ba	6.696.253.545	7.779.772.126
Công ty France Emulsion	1.606.087.366	1.606.087.366
Đối tượng khác	5.090.166.179	6.173.684.760
Cộng	516.082.016.485	9.698.279.777

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31.12.2024 VND	Phát sinh trong năm			Tại ngày 01.01.2024 VND
		Vay dài hạn đến hạn trả (*) VND	Tăng VND	Giảm VND	
Bên thứ ba	209.731.965.089	9.878.792.271	482.800.327.687	533.250.310.351	250.303.155.482
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	106.128.381.151	943.090.287	226.840.878.426	300.796.084.402	179.140.496.840
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	66.173.627.465	3.479.386.923	105.650.839.882	96.042.113.683	53.085.514.343
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	30.154.869.725	-	150.308.609.379	128.189.023.650	8.035.283.996
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	3.780.000.000	2.835.000.000	-	2.835.000.000	3.780.000.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	1.772.608.776	1.329.456.582	-	1.329.456.582	1.772.608.776
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	1.722.477.972	1.291.858.479	-	1.291.858.479	1.722.477.972
Cán bộ, công nhân viên	-	-	-	2.766.773.555	2.766.773.555
Cộng	209.731.965.089	9.878.792.271	482.800.327.687	533.250.310.351	250.303.155.482

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

(*) Thông tin về vay dài hạn đến hạn trả:

Hợp đồng tín dụng	Số dư nợ vay	Ngày đáo hạn	Bên cho vay
Các kế ước nhận nợ trung hạn của HHV	9.878.792.271	Năm 2026	Các ngân hàng và Công ty cho thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31.12.2024 VND	Phát sinh trong năm			Tại ngày 01.01.2024 VND
		Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả (*) VND	
Trên 1 năm đến 5 năm	32.825.878.913	1.525.362.300	3.292.930.757	9.878.792.271	44.472.239.641
Bên thứ ba	32.825.878.913	1.525.362.300	3.292.930.757	9.878.792.271	44.472.239.641
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	11.291.171.302	-	1.159.795.641	3.479.386.923	15.930.353.866
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	10.115.000.000	-	945.000.000	2.835.000.000	13.895.000.000
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	4.210.899.137	-	430.619.493	1.291.858.479	5.933.377.109
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	3.131.374.860	-	443.152.194	1.329.456.582	4.903.983.636
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	4.077.433.614	1.525.362.300	314.363.429	943.090.287	3.809.525.030
Cộng	32.825.878.913	1.525.362.300	3.292.930.757	9.878.792.271	44.472.239.641

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán

	31.12.2024			31.12.2023		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND
Trên 1 năm đến 5 năm Bên thứ ba	4.429.463.618	934.376.870	3.495.086.748	4.775.327.592	678.555.723	4.096.771.869
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	2.225.653.136	453.044.360	1.772.608.776	3.188.948.537	482.702.094	2.706.246.443
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	2.203.810.482	481.332.510	1.722.477.972	1.586.379.055	195.853.629	1.390.525.426
Cộng	4.429.463.618	934.376.870	3.495.086.748	4.775.327.592	678.555.723	4.096.771.869

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	200.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Phương tiện vận tải, cổ phiếu, bất động sản; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do Vietinbank cấp tín dụng.
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Phương tiện vận tải, cổ phiếu, bất động sản; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do Vietinbank cấp tín dụng.
3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong-CN Thăng Long Hà Nội	800.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi, bất động sản, phương tiện vận tải; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Tiên phong cấp tín dụng; - Bảo Lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả.
4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	600.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cấp tín dụng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	41.804.000.000	60-72 tháng	8%/năm đến ngày 27/1/2022, sau đó điều chỉnh linh hoạt theo từng kế ước nhận nợ	Tài sản hình thành từ vốn vay
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Nam Hà Nội	18.935.000.000	60 tháng	Theo từng hợp đồng vay	Tài sản hình thành từ vốn vay
3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	9.312.000.000	60 tháng	8%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần	Tài sản hình thành từ vốn vay
4	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	9.825.991.049	60 tháng	10,95%/năm - 10,80%/năm	Ký cược
5	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST Chi nhánh Đà Nẵng	9.477.000.000	60 tháng	6,3%/năm - 7,2%/năm	Ký cược

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01.01.2023	3.078.044.500.000	(537.900.000)	7.148.483.380	-	454.240.001.974	3.538.895.085.354
Tăng vốn trong năm	-	(339.000.000)	-	-	-	(339.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	173.917.230.009	173.917.230.009
Trả thù lao cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	(1.908.000.000)	(1.908.000.000)
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	1.673.972.699	-	(1.673.972.699)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.021.918.096)	(5.021.918.096)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	215.459.010.000	-	-	-	(215.459.010.000)	-
Tại ngày 31.12.2023	3.293.503.510.000	(876.900.000)	8.822.456.079	-	404.094.331.188	3.705.543.397.267
Tại ngày 01.01.2024	3.293.503.510.000	(876.900.000)	8.822.456.079	-	404.094.331.188	3.705.543.397.267
Tăng vốn trong năm	823.298.180.000	6.956.562.000	-	-	-	830.254.742.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	199.367.168.850	199.367.168.850
Trả thù lao cho HĐQT và BKS (1)	-	-	-	-	(1.908.000.000)	(1.908.000.000)
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (2)	-	-	-	1.739.172.300	(1.739.172.300)	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (3)	205.753.590.000	-	-	-	(205.753.590.000)	-
Tại ngày 31.12.2024	4.322.555.280.000	6.079.662.000	8.822.456.079	1.739.172.300	394.060.737.738	4.733.257.308.117

(1) Theo nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024, HĐQT đã thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT&BKS.

(2) Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024, HĐQT đã thông qua việc trích quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 1.739.172.300 VND.

(3) Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024, HĐQT thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu. Kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023 là vốn điều lệ tăng từ 4.116.801.690.000 VND lên 4.322.555.280.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2024 VND	%	01.01.2024 VND	%
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả (*)	58.271.080.000	1,35%	40.545.020.000	1,23%
Hồ Minh Hoàng	20.223.000.000	0,47%	19.260.000.000	0,58%
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	695.446.490.000	16,09%	662.330.000.000	20,11%
Vốn góp của các đối tượng khác	3.548.614.710.000	82,09%	2.571.368.490.000	78,08%
Cộng	4.322.555.280.000	100,00%	3.293.503.510.000	100,00%

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,35%	1,35%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	1,35%	1,35%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	16,05%	16,09%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	16,05%	16,09%
Cộng	17,40%	17,44%

Hiện tại, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 17,44%, tuy nhiên DCG vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội đồng quản trị.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	3.293.503.510.000	3.078.044.500.000
- Vốn góp tăng trong năm	1.029.051.770.000	215.459.010.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	4.322.555.280.000	3.293.503.510.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	205.753.590.000	215.459.010.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	31.12.2024	01.01.2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	432.255.528	329.350.351
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	432.255.528	329.350.351
- Cổ phiếu phổ thông	432.255.528	329.350.351
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	432.255.528	329.350.351
- Cổ phiếu phổ thông	432.255.528	329.350.351
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 4		Năm tài chính	
	2024	2023	kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	VND	VND	2024	2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	638.966.431.073	611.299.792.337	1.733.059.616.973	1.465.515.257.075
Doanh thu xây lắp	381.856.543.164	496.940.166.733	1.162.812.101.711	1.108.529.335.122
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	117.608.340.713	96.247.686.715	363.963.525.060	298.396.668.923
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	8.754.756.893	8.764.206.774	29.165.855.839	22.951.163.676
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	4.486.007.230	4.438.175.000	20.325.723.896	20.915.838.636
Doanh thu khác	126.260.783.073	4.909.557.115	156.792.410.467	14.722.250.718
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần	638.966.431.073	611.299.792.337	1.733.059.616.973	1.465.515.257.075
Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	427.159.558.208	426.134.867.001	898.113.120.197	1.200.814.214.593
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	108.651.841.826	85.156.214.576	345.282.919.265	280.939.401.196
Doanh thu xây lắp	214.811.599.400	329.903.354.580	426.357.502.352	890.912.859.517
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	8.754.756.893	8.764.206.774	29.165.855.839	22.951.163.676
Doanh thu khác	94.941.360.089	2.311.091.071	97.306.842.741	6.010.790.204

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024	2023	2024	2023
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn xây lắp	360.844.656.619	486.844.963.131	1.116.424.795.646	1.011.992.698.604
Giá vốn duy tu bảo dưỡng hầm, đường	61.105.100.991	46.321.359.447	173.537.324.214	156.693.926.942
Giá vốn vận hành các trạm thu phí	7.213.316.355	6.972.604.276	23.261.799.623	20.491.050.850
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	3.122.451.580	3.980.742.235	15.202.742.519	15.848.673.071
Giá vốn khác	122.406.516.534	1.030.292.847	144.667.952.944	4.880.137.810
Cộng	554.692.042.079	545.149.961.936	1.473.094.614.946	1.209.906.487.277

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024	2023	2024	2023
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	769.356.383	3.625.897.861	5.263.219.877	7.369.844.324
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	13.045.777.400	-	38.564.448.692	9.113.116.478
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.484.602.990	-	10.484.602.990	5.191.643.351
Cộng	24.299.736.773	3.625.897.861	54.312.271.559	21.674.604.153

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024	2023	2024	2023
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền vay	4.144.859.370	6.479.357.090	17.806.940.962	25.847.496.177
Cộng	4.144.859.370	6.479.357.090	17.806.940.962	25.847.496.177

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân công	6.089.596.080	5.265.114.774	19.759.124.346	17.010.113.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	636.659.338	1.302.432.919	6.877.912.042	5.505.119.967
Chi phí khấu hao	500.458.887	313.656.744	2.122.228.364	823.396.104
Các khoản chi phí khác	3.688.918.774	3.254.570.793	15.300.839.241	11.820.024.388
Cộng	10.915.633.079	10.135.775.230	44.060.103.993	35.158.654.431

6. THU NHẬP KHÁC

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	-	-	-	2.013.732.767
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	27.777.778	4.629.630	275.002.893	4.629.630
Các khoản khác	4.817.750.356	4.207.857	4.825.893.460	67.501.060
Cộng	4.845.528.134	8.837.487	5.100.896.353	2.085.863.457

7. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	-	-	-	1.406.114.063
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-	-	20.091.579
Các khoản khác	3.265.666.554	78.887.662	4.190.471.373	215.284.107
Cộng	3.265.666.554	78.887.662	4.190.471.373	1.641.489.749

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.854.997.988	135.501.288.774	620.345.449.297	514.619.653.577
Chi phí nhân công	146.216.907.788	128.868.541.900	671.195.707.149	322.486.702.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.764.844.600	12.961.710.810	46.954.661.410	45.178.475.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.205.923.100	4.871.098.168	20.815.154.069	17.186.496.897
Chi phí khác bằng tiền	25.934.674.881	137.084.481.661	142.688.928.486	256.306.683.104
Cộng	422.977.348.357	419.287.121.313	1.501.999.900.411	1.155.778.011.778

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.793.759.140	10.915.428.076	49.681.882.105	42.769.236.989
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	2.715.210.964	-	4.271.602.656	35.130.053
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.508.970.104	10.915.428.076	53.953.484.761	42.804.367.042

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong tương lai: Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có.
- Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	484.325.689.987	522.706.149.824

- Số tiền thực trả gốc trong năm

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	533.048.154.360	581.954.421.884
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	3.495.086.748	4.970.543.556
Cộng	536.543.241.108	586.924.965.440

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Tại ngày 31/12/2024	Từ 01 năm trở xuống VND	Từ 01 đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Cộng VND
Khoản cam kết vốn (i)	71.802.099.206	144.817.400.794	-	216.619.500.000
Khoản cam kết khác (ii)	226.140.000	-	-	226.140.000
Cộng	72.028.239.206	144.817.400.794	-	216.845.640.000

(i) Theo thỏa thuận tại Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 01/HĐ.BOT-UBND giữa UBND tỉnh Cao Bằng (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) với liên doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng ICV Việt Nam - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (Doanh nghiệp dự án).

(ii) Theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH-HHV ngày 20/09/2023 và các phụ lục liên quan.

- Thông tin về các bên liên quan: Xem phụ lục 1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Những sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thông qua đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2023, Công ty đã huy động được số tiền 829.915.742.000 VND. Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này Công ty chưa sử dụng hết số vốn thu được từ đợt chào bán, số tiền còn lại được phép sử dụng là 35.443.874.010 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

3. Thông tin bộ phận:

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh****Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động duy tu bảo dưỡng, hầm VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	22.951.163.676	1.108.529.335.122	20.915.838.636	298.396.668.923	14.722.250.718	1.465.515.257.075
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.951.163.676	1.108.529.335.122	20.915.838.636	298.396.668.923	14.722.250.718	1.465.515.257.075
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.460.112.826	96.536.636.518	5.067.165.565	141.702.741.981	9.842.112.908	255.608.769.798
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(35.158.654.431)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						220.450.115.367
Doanh thu hoạt động tài chính						21.674.604.153
Chi phí tài chính						(25.847.496.177)
Thu nhập khác						2.085.863.457
Chi phí khác						(1.641.489.749)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(42.804.367.042)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						173.917.230.009
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(28.330.807.775)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(17.186.496.897)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐỀO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyên VND	Hoạt động duy tu bảo dưỡng, hầm VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	29.165.855.839	1.162.812.101.711	20.325.723.896	363.963.525.060	156.792.410.467	1.733.059.616.973
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.165.855.839	1.162.812.101.711	20.325.723.896	363.963.525.060	156.792.410.467	1.733.059.616.973
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.904.056.216	46.387.306.065	5.122.981.377	190.426.200.846	12.124.457.523	259.965.002.027
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(44.060.103.993)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						215.904.898.034
Doanh thu hoạt động tài chính						54.312.271.559
Chi phí tài chính						(17.806.940.962)
Thu nhập khác						5.100.896.353
Chi phí khác						(4.190.471.373)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(53.953.484.761)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						199.367.168.850
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(25.906.053.995)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(20.815.154.069)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

01.01.2024	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Vận hành, bảo dưỡng Hầm VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	-	689.695.407.988	308.525.151.240	8.794.567.958	215.468.224.284	1.222.483.351.470
Tài sản không phân bổ						3.393.113.110.074
Tổng tài sản	-	689.695.407.988	308.525.151.240	8.794.567.958	215.468.224.284	4.615.596.461.544
Nợ phải trả bộ phận	-	204.946.942.349	20.665.060.408	-	13.409.453.125	239.021.455.882
Nợ phải trả không phân bổ						671.031.608.395
Tổng nợ phải trả	-	204.946.942.349	20.665.060.408	-	13.409.453.125	910.053.064.277

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

31.12.2024	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Vận hành, bảo dưỡng Hầm VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	-	892.326.660.905	403.540.735.741	9.517.591.464	150.924.891.651	1.456.309.879.761
Tài sản không phân bổ						4.723.494.729.408
Tổng tài sản	-	892.326.660.905	403.540.735.741	9.517.591.464	150.924.891.651	6.179.804.609.169
Nợ phải trả bộ phận	-	536.681.796.056	10.933.561.073	-	38.034.799.552	585.650.156.681
Nợ phải trả không phân bổ						860.897.144.371
Tổng nợ phải trả	-	536.681.796.056	10.933.561.073	-	38.034.799.552	1.446.547.301.052

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****b) Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý:**

Năm 2023	Đà Nẵng VND	Huế VND	Phú Yên Khánh Hòa VND	Bắc Giang Lạng Sơn VND	Đà Lạt, Quảng Ngãi VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	197.954.791.392	32.441.142.363	899.870.913.533	13.373.697.054	321.874.712.733	1.465.515.257.075
Tài sản bộ phận						4.615.596.461.544
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(28.330.807.775)
Năm 2024	Đà Nẵng VND	Huế VND	Phú yên, Khánh Hòa, Bình Định VND	Bắc Giang Lạng Sơn VND	Đà Lạt, Quảng Ngãi, Thanh Hóa VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	346.781.776.090	28.197.616.245	449.634.156.015	16.632.024.073	891.814.044.550	1.733.059.616.973
Tài sản bộ phận						6.179.804.609.169
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(25.906.053.995)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****a) Tài sản tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31.12.2024		01.01.2024		31.12.2024	01.01.2024
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.928.615.136	-	175.967.475.767	-	180.928.615.136	175.967.475.767
Phải thu khách hàng	1.089.079.860.533	(11.035.892.482)	760.561.759.766	(11.035.892.482)	1.078.043.968.051	749.525.867.284
Trả trước cho người bán	128.548.369.900	(1.301.620.413)	103.782.194.987	(1.301.620.413)	127.246.749.487	102.480.574.574
Các khoản phải thu khác	715.440.023.749	(873.033.836)	192.107.678.943	(873.033.836)	714.566.989.913	191.234.645.107
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	-	-	-	5.000.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	3.835.301.040.000	-	3.156.140.030.000	-	3.835.301.040.000	3.156.140.030.000
Cộng	5.954.297.909.318	(13.210.546.731)	4.388.559.139.463	(13.210.546.731)	5.941.087.362.587	4.375.348.592.732

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31.12.2024		01.01.2024		31.12.2024	01.01.2024
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Phải trả cho người bán	205.268.234.071	-	179.484.852.952	-	205.268.234.071	179.484.852.952
Người mua trả tiền trước	240.116.951.168	-	293.831.242.323	-	240.116.951.168	293.831.242.323
Vay và nợ	242.557.844.002	-	294.775.395.123	-	242.557.844.002	294.775.395.123
Phải trả người lao động	22.375.620.896	-	9.735.570.527	-	22.375.620.896	9.735.570.527
Các khoản phải trả khác	516.082.016.485	-	9.698.279.777	-	516.082.016.485	9.698.279.777
Cộng	1.226.400.666.622	-	787.525.340.702	-	1.226.400.666.622	787.525.340.702

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)****b) Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Phải trả cho người bán	208.510.754.047	-	-	208.510.754.047
Người mua trả tiền trước	104.719.425.163	135.397.526.005	-	240.116.951.168
Vay và nợ	209.731.965.089	32.825.878.913	-	242.557.844.002
Chi phí phải trả	125.047.248.336	-	-	125.047.248.336
Các khoản phải trả phải nộp khác	616.491.242.289	1.149.932.236	5.500.000.000	623.141.174.525
Cộng	1.264.500.634.924	169.373.337.154	5.500.000.000	1.439.373.972.078

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty không có số dư gốc ngoại tệ nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ *Rủi ro về giá bất động sản*

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.



7. Thông tin về hoạt động liên tục


Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCs) và Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2025
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu	Kế toán trưởng	
		
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:* Không phát sinh

- *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:* Không có.

- *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

		Năm tài chính	
		kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024	2023
		VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		2.088.000.000	2.088.000.000
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	360.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Trần Chung	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập HĐQT	180.000.000	180.000.000
Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát	180.000.000	180.000.000
Cam Thị Minh Hải	Thành viên Ban kiểm soát	84.000.000	84.000.000
Phan Thị Mai	Thành viên Ban kiểm soát	84.000.000	84.000.000



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

2. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo):

		Năm tài chính	
		kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024	2023
		VND	VND
Tiền lương		4.287.400.000	4.074.166.667
Nguyễn Quang Huy	Tổng giám đốc	910.000.000	910.000.000
Ngô Trường Nam	Phó Tổng giám đốc thường trực	140.000.000	-
Trần Văn Chí	Phó Tổng giám đốc thường trực	715.000.000	715.000.000
Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	520.000.000	520.000.000
Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	482.000.000	455.000.000
Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	547.000.000	509.166.667
Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	455.000.000	455.000.000
Nguyễn Văn Ân	Phó Tổng giám đốc	518.400.000	510.000.000
	Kế toán trưởng		

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Danh sách các bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị
Hồ Minh Hoàng
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư VINALOG
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng Cầu đường
Sài Gòn - Phú Yên
Công ty cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc
Đèo Cả

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Phó
TGD Ngô Trường Nam, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Thành viên Ban
kiểm soát Phan Thị Mai
Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông
Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng,
Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy
Công ty liên kết
Chủ tịch HĐQT
Công ty con của công ty mẹ
Cổ đông lớn, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung,
Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy
Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy
Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn
Minh Giang
Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn
Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng
Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban kiểm
soát Nguyễn Minh Giang
Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng
Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang
Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 24/04/2024
Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 16/04/2024
Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn
Quang Huy; Phó TGD Thường trực Trần Văn Chí; PTGD Nguyễn Quỳnh Mai; Kế
toán trưởng Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:

Công ty con

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,03%	65,03%	96.122.894.489	220.226.363.371
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	73,41%	73,41%	125.733.181.787	(145.036.393.021)
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	21.999.543.213	21.999.543.213

Công ty liên doanh, liên kết

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,34%	50,00%	114.123.340.861	490.288.703.818
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	40,00%	40,00%	-	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	38,00%	(5.131.847.789)	(5.131.847.789)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	(2.710.932.732)	(1.410.489.198)

Tóm tắt hoạt động của khoản đầu tư vào các công ty khác trong năm:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	15,37%	15,37%	62.261.006.614	110.038.392.410



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	14.020.441.666	10.089.780.387
		Góp vốn	33.509.340.000	102.000.000.000
		Đặt cọc góp vốn	7.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	293.535.093.191	186.668.107.387
		Góp vốn	108.243.670.000	-
		Đặt cọc góp vốn	73.000.000.000	46.000.000.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	26.393.506.751	16.307.625.674
		Nhận cổ tức	10.484.602.990	5.191.643.351
		Góp vốn	22.124.000.000	9.724.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy	Bán hàng hóa, dịch vụ	599.572.392	2.222.222
		Mua hàng hóa, dịch vụ	89.003.826.675	25.806.360.701
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Phó TGD Ngô Trường Nam, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Thành viên Ban kiểm soát Phan Thị Mai	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.295.537.037	2.499.024.697

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	377.053.428.864	366.602.794.438
		Mua hàng hóa, dịch vụ	66.154.447.843	42.138.099.928
		Chi phí lãi vay	-	635.545.500
		Trả tiền vay	-	69.986.895.603
		Trả tiền lãi vay	-	27.639.540.763
		Nhận tiền vay	-	14.950.000.000
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	517.900.000.000	-
		Thu lại tiền hợp tác kinh doanh Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	-	221.530.970.000 9.113.116.478
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Chi phí lãi vay	-	2.029.294.948
		Trả tiền vay	-	58.111.400.000
		Trả tiền lãi vay	-	23.642.753.053
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên kết	Thu lại tiền góp vốn	10.116.000.000	78.380.000.000
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Mua hàng hóa, dịch vụ	29.126.281.830	18.378.278.185
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tân Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Bán hàng hóa, dịch vụ	7.700.203.509	6.835.846.756

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Môi quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Thường trực Trần Văn Chí; PTGD Nguyễn Quỳnh Mai; Kế toán trưởng Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.356.909.082	1.457.499.997
		Mua hàng hóa, dịch vụ	645.047.222	9.271.374.546
		Thu nhập khác từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	147.371.354
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 24/04/2024	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	14.287.657.544
		Mua hàng hóa, dịch vụ	-	32.702.866.936
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Bán hàng hóa, dịch vụ	175.158.427.705	169.924.544.045
		Chi tiền hợp tác kinh doanh	413.773.860.000	60.000.000.000
		Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	38.564.448.692	169.808.219
Công ty Cổ phần cao tốc Đông Đăng - Trà Linh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy	Góp vốn	7.500.000.000	-
		Đặt cọc góp vốn	64.302.099.206	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Chi phí lãi vay	-	1.511.232.876
		Trả tiền vay	-	44.000.000.000
		Trả tiền lãi vay	-	20.161.583.331



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN			839.372.201.777	657.330.308.317
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Vận hành trạm thu phí Thi công xây lắp Cộng	12.791.016.477 13.789.448.150 3.786.886.500 30.367.351.127	10.929.722.857 13.788.447.750 3.786.886.500 28.505.057.107
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Vận hành trạm thu phí Thi công xây lắp Dịch vụ khác Cộng	256.758.677.551 26.198.681.605 109.149.547.796 965.076.270 393.071.983.222	173.789.472.952 20.895.268.405 118.932.133.320 965.076.270 314.581.950.947
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Vận hành trạm thu phí Thi công xây lắp Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Cộng	669.992.760 1.560.650.630 31.750.151.730 33.980.795.120	530.590.760 1.535.266.630 28.928.573.730 30.994.431.120

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy	Dịch vụ khác	637.938.182	2.400.000
		Cộng	637.938.182	2.400.000
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Thi công xây lắp	213.453.819.549	130.984.526.628
		Cộng	213.453.819.549	130.984.526.628
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Phó TGD Ngô Trường Nam, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Thành viên Ban kiểm soát Phan Thị Mai	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Trung tu hầm, đường Thi công xây lắp Vận hành các trạm thu phí	1.537.414.900 1.150.582.495 244.609.500 3.647.065.400	1.371.715.400 7.746.163.495 1.153.372.000 3.647.065.400
		Cộng	6.579.672.295	13.918.316.295

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Thường trực Trần Văn Chí; PTGD Nguyễn Quỳnh Mai; Kế toán trưởng Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy	Thuê xe Cộng	2.935.663.301 2.935.663.301	1.470.201.487 1.470.201.487
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Thuê xe Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Cộng	388.363.635 13.158.482.562 13.546.846.197	388.363.635 14.197.437.297 14.585.800.932
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 24/04/2024	Thi công xây lắp Cộng	-	51.687.063.348 51.687.063.348
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Thi công xây lắp Cộng	144.798.132.784 144.798.132.784	70.600.560.453 70.600.560.453

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC			185.822.297.370	114.577.205.808
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Đặt cọc góp vốn Cộng	7.000.000.000 7.000.000.000	12.300.000.000 12.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Bảo hành các công trình xây lắp Đặt cọc góp vốn Cộng	14.881.361.082 73.000.000.000 87.881.361.082	14.881.361.082 57.000.000.000 71.881.361.082
Công ty Cổ phần cao tốc Đông Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy	Đặt cọc góp vốn Cộng	64.302.099.206 64.302.099.206	- -
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền vé máy bay Phải thu khác Cộng	100.000.000 23.875.003.994 23.975.003.994	100.000.000 18.125.128.566 18.225.128.566
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Đặt cọc góp vốn Cộng	- -	9.724.000.000 9.724.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Phải thu khác Cộng	2.663.833.088 2.663.833.088	2.446.716.160 2.446.716.160
PHẢI THU KHÁCH HÀNG DÀI HẠN			3.094.427.531	3.094.427.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Phải thu thi công xây lắp Cộng	3.094.427.531 3.094.427.531	3.094.427.531 3.094.427.531

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC			514.088.408.736	61.750.100.044
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Hợp tác kinh doanh Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh Cộng	473.773.860.000 40.314.548.736 514.088.408.736	60.000.000.000 1.750.100.044 61.750.100.044
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN			39.041.552.509	82.514.797.591
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chũng, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy	Mua vật tư Cộng	17.850.311.355 17.850.311.355	13.543.989.995 13.543.989.995
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Tiền vé máy bay Cung cấp công nghệ thông tin Mua vật tư, thuê thiết bị Phải trả khác Cộng	261.543.038 586.624.500 8.479.711.976 - 9.327.879.514	325.434.366 684.395.250 31.273.362.115 - 32.283.191.731

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Cung cấp dịch vụ	11.863.361.640 11.863.361.640	11.275.867.556 11.275.867.556
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Thường trực Trần Văn Chí; PTGD Nguyễn Quỳnh Mai; Kế toán trưởng Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy	Cung cấp dịch vụ Cộng	- -	8.165.190.284 8.165.190.284
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 24/04/2024	Cung cấp dịch vụ Cộng	-	17.246.558.025 17.246.558.025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC DÀI HẠN			100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy	Trả trước thi công xây lắp	100.000.000.000	-
PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC			100.000.000.000	-
			507.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Nhận chuyển nhượng cổ phần	507.900.000.000	-
			507.900.000.000	-

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan.

